

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO SONG NGÀNH SƯ PHẠM MĨ THUẬT - SƯ PHẠM MẦM NON VÀ SƯ PHẠM ÂM NHẠC - SƯ PHẠM MẦM NON

VŨ DƯƠNG CÔNG - NGUYỄN THỊ THÀNH*

Ngày nhận bài: 28/05/2016; ngày sửa chữa: 02/06/2016; ngày duyệt đăng: 10/06/2016.

Abstract: In preschools, demand on art and music learning is increasing. This requires teachers to have knowledge not only in profession but also in music and art. Therefore, double major training at pedagogic colleges is necessary to help students earn multiple degrees without multiplying their time in college and to meet the needs of society. The article proposes solutions to improve the quality of double major training in arts pedagogy and preschool pedagogy or musical pedagogy and preschool pedagogy at Central teacher training college.

Keywords: Preschool teacher training, Arts Pedagogy, Music pedagogy, double major.

1. Yêu cầu đào tạo (ĐT) giáo viên (GV) song ngành Sư phạm (SP) Mỹ thuật - Sư phạm Mầm non (SPMN) và SP Âm nhạc - SP MN hiện nay

Theo chủ trương của Bộ GD-ĐT về việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục (GD) trong giai đoạn hiện nay, ngành Giáo dục mầm non (GDMN) trong những năm gần đây đã triển khai đổi mới toàn diện cả về nội dung và phương pháp GD trẻ. Việc đổi mới này đã mang lại hiệu quả rất cao cho ngành GDMN nói riêng và cho nền GD của nước nhà nói chung.

Hiện nay, ngành SP Mỹ thuật và SP Âm nhạc ĐT GV chuyên biệt dạy Mỹ thuật, Âm nhạc cho các bậc học trong hệ thống GD quốc dân. Theo **Luật Giáo dục** (2005), MN là một bậc học trong hệ thống GD quốc dân. Vì vậy, các trường MN cần có GV chuyên biệt tổ chức các hoạt động về mỹ thuật, âm nhạc. Cho nên, hướng ĐT chuyên ngành SP Mỹ thuật và SP Âm nhạc cho các trường MN là một tất yếu hiện nay.

Chúng ta đều biết, muốn trở thành nhà GD, trước hết bạn phải được GD. Điều đó có nghĩa là muốn GD thẩm mỹ cho trẻ thì đầu tiên, cô giáo MN cần phải được GD thẩm mỹ một cách đầy đủ. Hoạt động âm nhạc, mỹ thuật là những hoạt động chuyên biệt, vì vậy đòi hỏi GVMN phải có năng lực chuyên biệt (năng khiếu).

Hiện nay, các trường MN rất cần đội ngũ GV chuyên biệt về nghệ thuật và đang mời những GV chuyên tổ chức hoạt động mỹ thuật, âm nhạc trong trường. Nhưng hiện tại, đội ngũ này chưa được biên chế chính thức nên họ không thể chuyên tâm vào công việc, hiệu quả làm việc chưa cao. Để giải quyết vướng mắc này, việc ĐT GVMN có năng lực chuyên

sâu về mỹ thuật, âm nhạc nhằm bổ sung đội ngũ GV chuyên biệt cho các trường MN là giải pháp thiết thực nhất. Việc tổ chức ĐT song ngành *SPMN - SP Mỹ thuật, SPMN - SP Âm nhạc* sẽ đáp ứng được nhu cầu trên. Mặt khác, đề nghị Bộ GD-ĐT, các cấp chính quyền cho phép các trường MN được biên chế đội ngũ GV chuyên biệt về Mỹ thuật và Âm nhạc.

Nhằm mở rộng quy mô ĐT của Trường Cao đẳng SP Trung ương và của các khoa như Khoa GDMN, Khoa Mỹ thuật, Khoa Âm nhạc, Nhà trường đã triển khai ĐT đội ngũ GVMN có năng lực tổ chức các hoạt động chuyên biệt (Mỹ thuật, Âm nhạc) trong trường MN; trên cơ sở đó, tiến tới ĐT GV chuyên biệt về mỹ thuật, âm nhạc cho các trường MN sau này. Vấn đề đặt ra là: Làm thế nào để ĐT đội ngũ GV này có chất lượng? Giải quyết mâu thuẫn nội tại trong quá trình ĐT như thế nào?

2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng ĐT song ngành SPMN - SP Mỹ thuật và SPMN - SP Âm nhạc

2.1. Nghiên cứu, xác định rõ mục tiêu ĐT. ĐT song ngành SPMN - SP Mỹ thuật và SPMN - SP Âm nhạc là ĐT ra đội ngũ GV đảm đương 2 chức năng: - Là GV MN có năng lực tổ chức các hoạt động GD trẻ trong trường MN; - Là GV mỹ thuật, GV âm nhạc có năng lực tổ chức các hoạt động mỹ thuật, âm nhạc trong trường MN.

Đây là một mục tiêu rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nhưng cũng là một quá trình đầy khó khăn và thách thức để đảm bảo chất lượng tối ưu cho mỗi chức năng trên.

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

2.2. Xác định dung lượng, thời lượng các khối kiến thức và kỹ năng trong chương trình ĐT:

2.2.1. Không tách rời khỏi kiến thức GDMN với khối kiến thức SP Mĩ thuật hoặc SP Âm nhạc một cách cơ giới, mà xác định theo hướng tích hợp nội dung và phương pháp. Không nên hiểu máy móc, phiến diện và lệch lạc dẫn đến tình trạng MN hóa hoặc mĩ thuật, âm nhạc hóa nội dung chương trình ĐT. Ví dụ: *Nặn* không thể tách rời khỏi môn *Điều khắc* mà môn *Điều khắc* được chia làm 02 học phần (hoặc 02 phần): *Điều khắc cơ bản* và *Điều khắc ứng dụng* (nặn). Môn *Trang trí* được chia ra các học phần: *Trang trí cơ bản*, *Trang trí nâng cao* (vẽ tranh minh họa, tranh tường) và *Trang trí ứng dụng* (trang trí trường lớp MN, trang trí bảng bé ngoan).

2.2.2. Trong xây dựng chương trình ĐT, cần lựa chọn những môn học cơ bản, cốt lõi nhất và xác định mối quan hệ giữa các môn học, giữa các học phần:

- *Mối quan hệ tiền đề*: Các môn học chung, môn học cơ bản học trước và các môn học kế thừa, nâng cao, ứng dụng học sau. Một số môn học của ngành GDMN là tiền đề cho một số môn học chuyên ngành SP Mĩ thuật, SP Âm nhạc và ngược lại. Ví dụ: môn *Tâm lí học lứa tuổi MN*, *GD học MN* là tiền đề cho môn *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình* (hoặc *âm nhạc*); môn *Văn học thiếu nhi*, *Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* là tiền đề cho môn *Vẽ tranh minh họa*; các môn phương pháp là tiền đề cho môn *Đồ chơi và học liệu*.

- *Mối quan hệ giao thoa và lồng ghép*: Nội dung kiến thức và kỹ năng được đan xen và chuyển hóa giữa các môn học của các chuyên ngành một cách khoa học. Một số học phần của chuyên ngành GDMN nhưng cũng là học phần của chuyên ngành Mĩ thuật hoặc Âm nhạc. Ví dụ: Học phần *Nặn* chính là học phần *Điều khắc ứng dụng* nên nó được chuyển thành một phần của môn *Điều khắc*; phần *Kẻ - cắt chữ*, *Trang trí bảng bé ngoan*, *Trang trí trường lớp MN* chính là trang trí ứng dụng nên được chuyển thành một học phần của môn *Trang trí*; phần *Vẽ tranh để tài* chính là bố cục ứng dụng nên được chuyển thành một phần của môn *Bố cục*...

- *Mối quan hệ tương tác*: Môn học này hỗ trợ và tăng cường kiến thức, kỹ năng cho môn học kia. Ví dụ: môn *Đồ chơi và học liệu* có vai trò tạo ra các phương tiện phục vụ cho tổ chức hoạt động vui chơi và các hoạt động GD trong trường MN như: *Âm nhạc*, *Văn học*, *Toán*, *Môi trường xung quanh*, *Thể chất*... Nên khi dạy học học phần *Đồ chơi và học liệu*, sinh viên sẽ

có thêm kiến thức và kỹ năng của các môn học kia và ngược lại.

2.2.3. Trong mỗi môn học phải đảm bảo 3 yêu cầu về kiến thức và kỹ năng: - Kiến thức và kỹ năng cơ bản; - Kiến thức và kỹ năng ứng dụng; - Kiến thức và kỹ năng nâng cao.

2.2.4. Nội dung chương trình giảng dạy phải đảm bảo:

- Có định hướng về mục tiêu và đối tượng. GD mĩ thuật, âm nhạc cho MN khác với GD Mĩ thuật, Âm nhạc cho các đối tượng khác.

- Có lựa chọn, chất lọc về lượng kiến thức và kỹ năng cần thiết. Xác định rõ những kiến thức, kỹ năng cần rèn luyện cho sinh viên trên lớp và những kiến thức kỹ năng sinh viên tự học, tự nghiên cứu; xác định rõ tài liệu giảng dạy chính thức (giáo trình) và tài liệu tham khảo.

- Đảm bảo cập nhật thực tiễn và luôn đổi mới. Trong những năm gần đây nền GD nước nhà không ngừng đổi mới; trong đó ngành GDMN đã đổi mới toàn diện cả về nội dung và phương pháp. Môn *Mĩ thuật* và *Âm nhạc* ở các cấp học phổ thông đã được coi trọng, là những môn học chính trong chương trình và đổi mới hoàn toàn. Do đó, việc cập nhật thực tiễn, chỉnh sửa, bổ sung nội dung chương trình và tài liệu giảng dạy là tất yếu. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo trình đang được sử dụng, tài liệu quá cũ và lạc hậu, chưa được chỉnh sửa, bổ sung.

2.3. Xây dựng đội ngũ tham gia tổ chức ĐT

2.3.1. *Đội ngũ chuyên gia tư vấn* là những chuyên gia chuyên sâu về GDMN, GD Mĩ thuật, GD Âm nhạc, nhưng quan trọng nhất là có khả năng tư vấn tổng quan. Họ cần vừa có trình độ về mĩ thuật hoặc âm nhạc, vừa có trình độ về GDMN. *Đội ngũ chuyên gia* này phải biết xác định thời lượng, dung lượng kiến thức và kỹ năng, sự tích hợp giữa các khối kiến thức của mỗi ngành, giữa các môn học trong chương trình ĐT.

Đội ngũ chuyên gia tư vấn cho việc xây dựng chương trình ĐT, trong đó có chương trình khung và chương trình chi tiết. *Đội ngũ* này có thể mời bên ngoài hoặc có thể là cán bộ, giảng viên khoa GDMN nhưng được ĐT chuyên sâu về mĩ thuật, âm nhạc nhưng có trình độ và kinh nghiệm về GDMN.

2.3.2. *Đội ngũ trực tiếp tham gia xây dựng giáo trình, đề cương bài giảng* phải là những *đội ngũ* cán bộ, giảng viên có năng lực chuyên sâu và có khả năng nắm bắt tổng quan, nắm bắt được mục tiêu, nội dung chương trình ĐT. Trước mắt, sử dụng các cán bộ giảng viên có năng lực trong khoa GDMN, khoa

Mĩ thuật, khoa Âm nhạc để biên soạn; sau đó, thông qua các chuyên gia tư vấn, thông qua các hội nghị chuyên môn, các hội thảo để hoàn thiện.

2.3.3. Đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy là những giảng viên trong khoa GDMN, khoa Mĩ thuật, khoa Âm nhạc có năng lực chuyên sâu và có khả năng nắm chắc mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy.

Cần chọn những giảng viên có kiến thức và bề dày kinh nghiệm giảng dạy cho ngành GDMN. Những giảng viên này phải yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm cao.

2.4. Sự phối hợp trong quá trình ĐT:

- Nhà trường chỉ đạo chung và định hướng cho các khoa và các ngành ĐT. Nhà trường phân công cán bộ chuyên trách và tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, về công tác tuyển sinh, đáp ứng yêu cầu chuyên môn của khoa.

- Các phòng ban chức năng cần phối hợp chặt chẽ, giải quyết kịp thời những đề xuất của các khoa phục vụ cho công tác ĐT.

- Các khoa liên quan phải có chung trách nhiệm, cùng nhau tổ chức ĐT, thường xuyên trao đổi, thống nhất và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình ĐT.

2.5. Bồi dưỡng nâng cao trình độ GV:

- Biên soạn các tài liệu bồi dưỡng GV và tài liệu cho GV tham khảo.

- Tổ chức các lớp tập huấn bổ trợ kiến thức cho GV trực tiếp giảng dạy ở các khoa liên quan và GV các trường MN thực hành.

- Khuyến khích GV đi học chuyên đề, học các lớp lấy chứng chỉ chuyên môn, tự nghiên cứu và biên soạn tài liệu giảng dạy.

- Tổ chức tọa đàm, hội thảo về chuyên môn.

2.6. Công tác tuyển sinh:

- Cần có thông báo tuyển sinh rộng trên những phương tiện thông tin đại chúng như: Những điều cần biết trong tuyển sinh, website, quảng cáo... Trong thông báo, cần nêu rõ mục tiêu ĐT, vị trí công tác của sinh viên sau khi ra trường.

- Cần phải tuyển chọn năng khiếu về kĩ thuật, âm nhạc. Có thể tổ chức sơ tuyển năng khiếu riêng hoặc phối hợp cùng với thi tuyển năng khiếu MN.

* * *

Xuất phát từ nhu cầu xã hội, thực tế tổ chức tuyển sinh và đào tạo song ngành SPMN - SP Mĩ thuật và SPMN - SP Âm nhạc, việc tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho các chương trình song ngành này luôn là một thách thức, trăn trở nhưng cũng là tâm huyết của các nhà trường, các

khoa và các nhà giáo, chuyên gia về GDMN, SP Mĩ thuật, Âm nhạc. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Nguyễn Thị Hòa (2009). *Giáo trình Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Phạm Hoàng Gia (1998). *Tâm lí học trẻ em trước tuổi học*. NXB Giáo dục.
- [4] Bộ GD-ĐT (2009). *Chương trình Giáo dục mầm non* (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [5] Nguyễn Thị Ngọc Linh (2016). “*Xây dựng các học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp trong chương trình đào tạo song ngành theo hướng chuẩn đầu ra*”. Kỷ yếu Hội thảo “Công tác tổ chức thực hành, thực tập trong các chương trình đào tạo song ngành tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương”, tháng 3/2016.

Đạy học phân hóa và việc...

(Tiếp theo trang 31)

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 4099/BGDĐT-GDTrH ngày 5/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2014-2015*.
- [2] Tomlinson C.A. (2004). *The Differentiated Classroom Responding to the Needs of All Learners*, Association for Supervision and Curriculum Development Alexandria, VA USA.
- [3] Jenifer Fox - Whitney Hoffman (2011). *The Differentiated Instruction Book of lit*, Published by Jossey-Bass, AWiley Imprint, 989 Market Street, San Francisco.
- [4] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, tháng 8/2015.
- [5] Elizabeth Breaux and Monique Boutte Magee (2010). *How the best teachers differentiate intruction*, Eye on education, 6 depot way West, Suite 106 Larchmont, NY10538, United States.
- [6] Đặng Thành Hưng (2008). *Cơ sở sư phạm của dạy học phân hóa*. Tạp chí Khoa học giáo dục, số 38, tháng 11/2008.
- [7] Lê Thị Thu Hương (2016). *Phát triển năng lực dạy học phân hóa - nội dung quan trọng trong đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Tạp chí Giáo dục, số 377, tháng 3/2016.
- [8] Thomas Amstrong (Lê Quang Long dịch) (2011). *Đa trí tuệ trong lớp học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] Tôn Thân (2006). *Một số vấn đề về dạy học phân hóa*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 6, tháng 3/2006.